

Số: 55/2026/NQ-HĐND

Tuyên Quang, ngày 26 tháng 6 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Quy định về người hoạt động không chuyên trách, người tham gia hoạt động, nhân viên y tế ở thôn, tổ dân phố và mức khoán kinh phí hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 185/2026/NĐ-CP của Chính phủ Quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố;

Xét Tờ trình số 144/TTr-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết Quy định về người hoạt động không chuyên trách, người tham gia hoạt động, nhân viên y tế ở thôn, tổ dân phố và mức khoán kinh phí hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Báo cáo thẩm tra số 157/BC-HĐND ngày 24 tháng 6 năm 2026 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết Quy định về người hoạt động không chuyên trách, người tham gia hoạt động, nhân viên y tế ở thôn, tổ dân phố và mức khoán kinh phí hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về:

1. Mức phụ cấp của từng chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố; số lượng, chức danh và mức hỗ trợ đối với các chức danh tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố; việc kiêm nhiệm chức danh và mức phụ cấp kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách, mức phụ cấp kiêm nhiệm chức danh tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP Quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố.

2. Số lượng và mức hỗ trợ hằng tháng cho nhân viên y tế thôn, tổ dân phố.

3. Mức khoán kinh phí hoạt động của thôn, tổ dân phố theo quy định tại điểm 1 khoản 9 Điều 31 Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15.

4. Nghị quyết này không quy định chế độ, chính sách đối với các chức danh, lực lượng đã được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành, gồm: Thôn đội trưởng, cộng tác viên dân số thôn, tổ dân phố, lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở và các chức danh, lực lượng khác.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Thôn, tổ dân phố.
2. Người hoạt động không chuyên trách, người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố; nhân viên y tế thôn, tổ dân phố.
3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến phạm vi điều chỉnh quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 1 Nghị quyết này.

Điều 3. Mức phụ cấp của từng chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố

1. Đối với thôn có từ 700 hộ gia đình trở lên; tổ dân phố có từ 1.000 hộ gia đình trở lên; thôn, tổ dân phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã trọng điểm về quốc phòng theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; thôn, tổ dân phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã ở khu vực biên giới; thôn, tổ dân phố đặc biệt khó khăn, mức phụ cấp hằng tháng như sau:

TT	Chức danh	Mức phụ cấp hằng tháng (Hệ số so với mức lương cơ sở)
1	Bí thư chi bộ	1,8
2	Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng tổ dân phố	1,8
3	Trưởng Ban công tác Mặt trận	1,6

2. Đối với thôn, tổ dân phố không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, mức phụ cấp hằng tháng như sau:

TT	Chức danh	Mức phụ cấp hằng tháng (Hệ số so với mức lương cơ sở)
1	Bí thư chi bộ	1,7
2	Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng tổ dân phố	1,7
3	Trưởng Ban công tác Mặt trận	1,4

3. Mức phụ cấp hằng tháng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này đã bao gồm bảo hiểm xã hội bắt buộc hằng tháng phần người lao động phải đóng theo quy định.

Điều 4. Số lượng, chức danh và mức hỗ trợ đối với các chức danh tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố

1. Số lượng người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố không quá 07 người/thôn, tổ dân phố.

2. Chức danh, mức hỗ trợ hằng tháng đối với các chức danh tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố tại thôn có từ 700 hộ gia đình trở lên; tổ dân phố có từ 1.000 hộ gia đình trở lên; thôn, tổ dân phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã trọng điểm về quốc phòng theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; thôn, tổ dân phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã ở khu vực biên giới; thôn, tổ dân phố đặc biệt khó khăn, như sau:

TT	Chức danh	Số lượng (người)	Mức hỗ trợ hằng tháng (Hệ số so với mức lương cơ sở)
1	Nhân viên khuyến nông, khuyến lâm, thú y, môi trường	1	0,7
2	Phó Trưởng thôn hoặc Phó Tổ trưởng tổ dân phố	1	0,35
3	Chi hội trưởng Chi hội Cựu chiến binh	1	0,3
4	Chi hội trưởng Chi hội Phụ nữ	1	
5	Chi hội trưởng Chi hội Người cao tuổi	1	
6	Chi hội trưởng Chi hội Nông dân	1	
7	Bí thư chi đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	1	

3. Chức danh, mức hỗ trợ hằng tháng đối với các chức danh tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này như sau:

TT	Chức danh	Số lượng (người)	Mức hỗ trợ hằng tháng (Hệ số so với mức lương cơ sở)
1	Nhân viên khuyến nông, khuyến lâm, thú y, môi trường	1	0,5
2	Phó Trưởng thôn hoặc Phó Tổ trưởng tổ dân phố	1	0,3
3	Chi hội trưởng Chi hội Cựu chiến binh	1	
4	Chi hội trưởng Chi hội Phụ nữ	1	
5	Chi hội trưởng Chi hội Người cao tuổi	1	
6	Chi hội trưởng Chi hội Nông dân	1	
7	Bí thư chi đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	1	

4. Trường hợp văn bản pháp luật chuyên ngành quy định mức hỗ trợ cao hơn hoặc có quy định khác về chế độ, chính sách đối với chức danh tại khoản 2, khoản 3 Điều này thì thực hiện theo văn bản pháp luật chuyên ngành.

Điều 5. Số lượng và mức hỗ trợ hằng tháng cho nhân viên y tế thôn, tổ dân phố

1. Mỗi thôn, tổ dân phố bố trí 01 nhân viên y tế.
2. Mức hỗ trợ hằng tháng đối với nhân viên y tế:

a) Mức 0,7 lần so với mức lương cơ sở áp dụng đối với nhân viên y tế thôn, tổ dân phố làm việc tại các thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên; các thôn tại các xã khó khăn theo quy định của Chính phủ; các tổ dân phố có từ 500 hộ gia đình trở lên;

b) Mức 0,5 lần so với mức lương cơ sở áp dụng đối với nhân viên y tế thôn, tổ dân phố làm việc tại thôn, tổ dân phố còn lại.

Điều 6. Kiêm nhiệm và mức kiêm nhiệm

1. Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố được kiêm nhiệm một chức danh người hoạt động không chuyên trách khác hoặc một chức danh tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố hoặc nhiệm vụ nhân viên y tế thôn, tổ dân phố.

2. Người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố được kiêm nhiệm một chức danh tham gia hoạt động khác hoặc nhiệm vụ nhân viên y tế thôn, tổ dân phố.

3. Người kiêm nhiệm chức danh, nhiệm vụ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được hưởng 100% mức phụ cấp, mức hỗ trợ của chức danh, nhiệm vụ kiêm nhiệm. Khoản phụ cấp, hỗ trợ của chức danh, nhiệm vụ kiêm nhiệm không dùng làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

4. Trường hợp người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố, người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố hoặc nhân viên y tế thôn, tổ dân phố đồng thời đảm nhiệm chức danh, nhiệm vụ khác theo văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành và hưởng chế độ phụ cấp, thù lao, hỗ trợ, bồi dưỡng đối với chức danh, nhiệm vụ đó thì không bố trí kiêm nhiệm theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Điều 7. Mức khoán kinh phí hoạt động của thôn, tổ dân phố

1. Mức khoán kinh phí hoạt động ở thôn có từ 700 hộ gia đình trở lên; tổ dân phố có từ 1.000 hộ gia đình trở lên; thôn, tổ dân phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã trọng điểm về quốc phòng theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; thôn, tổ dân phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã ở khu vực biên giới; thôn, tổ dân phố đặc biệt khó khăn là 9.000.000 đồng/năm.

2. Mức khoán kinh phí hoạt động ở thôn, tổ dân phố còn lại là 8.500.000 đồng/năm.

Điều 8. Nguồn kinh phí

Kinh phí thực hiện Nghị quyết này do ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương bảo đảm theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 10. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026. Riêng quy định tại Điều 5 Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2026.

2. Bãi bỏ toàn bộ các nghị quyết sau đây:

a) Nghị quyết số 26/2023/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Quy định về người hoạt động không chuyên trách; người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố; khoán kinh phí hoạt động ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Nghị quyết số 25/2024/NQ-HĐND ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 2 và Điều 4 Nghị quyết số 26/2023/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Quy định về người hoạt động không chuyên trách; người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố; khoán kinh phí hoạt động ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Nghị quyết số 28/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang Quy định chức danh, kiêm nhiệm chức danh, mức phụ cấp của người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã; mức hỗ trợ hàng tháng đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố và mức phụ cấp kiêm nhiệm người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Hà Giang. Riêng các quy định về chức danh, mức phụ cấp, mức hỗ trợ hàng tháng và phụ cấp kiêm nhiệm đối với nhân viên y tế ở thôn, tổ dân phố được tiếp tục áp dụng đến hết ngày 14 tháng 7 năm 2026.

b) Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 25 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Về việc áp dụng các Nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Hà Giang trước sắp xếp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. Riêng số thứ tự 4 Mục I Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết số 51/NQ-HĐND được tiếp tục áp dụng đến hết ngày 05 tháng 7 năm 2026./.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XX, Kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 26 tháng 6 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: Nội vụ; Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Cục KTVB&TCTHPL, Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế, Bộ Nội vụ;
- Các sở, ban, ngành;
- Các Ban của HĐND tỉnh; Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- HĐND, UBND xã, phường;
- Báo và phát thanh, truyền hình tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị (đăng Công báo);
- Cơ sở dữ liệu VBQPPL tỉnh (đăng tải);
- Trang thông tin điện tử Đoàn ĐBQH & HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, (NNL).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hầu Minh Lợi